



Life Care





Life Care

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
CHƯƠNG II: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	9
CHƯƠNG III: PHÍ BẢO HIỂM	13
CHƯƠNG IV: THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG	14
CHƯƠNG V: CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG	17
CHƯƠNG VI: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	18
PHỤ LỤC 1: ĐỊNH NGHĨA BỆNH UNG THƯ ĐƯỢC BẢO HIỂM	21
PHỤ LỤC 2: ĐỊNH NGHĨA BỆNH ĐỘT QUỴ (TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO) ĐƯỢC BẢO HIỂM	22



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Những định nghĩa và ghi chú

- 1.1. “**B o Vi t Nhân th**” là Công ty B o Vi t Nhân th và các Công ty thành viên trực thuộc, các B Tài chính cấp phép thành lập và hoạt động.
- 1.2. “**Bên mua b o hi m**” là tổ chức thành lập và hoạt động pháp lý tại Việt Nam, hoặc cá nhân từ 18 tuổi trở lên cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; là bên yêu cầu b o hi m, đóng Phí b o hi m và thực hiện các quy định và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng b o hi m.
- 1.3. “**Ng i c b o hi m**” là cá nhân có tuổi từ 0 đến 55 tuổi vào Ngày hi u l c h p ng, cư trú tại Việt Nam và các B o Vi t Nhân th chấp nhận b o hi m theo quy định tại Hợp đồng b o hi m.
- 1.4. “**Ng i th h ng**” là cá nhân hoặc tổ chức Bên mua b o hi m chấp nhận quy định về b o hi m theo quy định tại Hợp đồng b o hi m và đồng ý của Ng i c b o hi m (hoặc người đại diện theo pháp luật của Ng i c b o hi m).
- 1.5. “**Tu i c a Ng i c b o hi m**” là tuổi tính theo ngày sinh nhật của qua vào ngày Hợp đồng b o hi m phát sinh hiệu lực cho các Ngày kỷ niệm Hợp đồng. Nếu năm nào không có ngày kỷ niệm hàng năm của ngày sinh nhật thì ngày cuối cùng của tháng sinh sẽ được coi là ngày sinh nhật của Ng i c b o hi m vào năm đó.

Tu i c a Ng i c b o hi m là các B o Vi t Nhân th xem xét chấp nhận b o hi m, xác định mức Phí b o hi m, quy định về b o hi m và áp dụng các quy định liên quan trong Hợp đồng b o hi m.
- 1.6. “**Ngày hi u l c H p ng**” là ngày Hợp đồng b o hi m phát sinh hiệu lực.
- 1.7. “**Ngày kỷ niệm Hợp đồng**” là ngày kỷ niệm hàng năm của Ngày hi u l c H p ng hoặc ngày cuối cùng của tháng nếu không có ngày kỷ niệm.
- 1.8. “**N m h p ng**” là khoảng thời gian kể từ Ngày hi u l c h p ng hay bất kỳ ngày liên tiếp theo nào tính từ Ngày kỷ niệm Hợp đồng.
- 1.9. “**S t i n b o hi m**” là số tiền các B o Vi t Nhân th chấp nhận b o hi m theo Quy định, điều khoản này.
- 1.10. “**Phí b o hi m**” là khoản tiền mà Bên mua b o hi m phải đóng cho B o Vi t Nhân th theo thỏa thuận tại Hợp đồng b o hi m.
- 1.11. “**Kho n n**” bao gồm tất cả các khoản Phí b o hi m nhân chia đóng và bất kỳ khoản nào khác mà Bên mua b o hi m còn nợ B o Vi t Nhân th.

1.12. **“Chẩn đoán”** là chẩn đoán xác định các thể bệnh ở Bác sĩ chuyên khoa phù hợp của Bệnh viện, theo nhu cầu của Bệnh viện nội Khoa 1.14. Bộ Y tế Nhân dân có quy định yêu cầu Nghị quyết Bộ Y tế hiện hành như sau khác nhau như sau.

1.13. **“Sinh hoạt hàng ngày”** bao gồm:

- Nuôi dưỡng: là bệnh nhân nuôi dưỡng các thể bệnh cũ nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.
- Tập thể dục: là bệnh nhân tập thể dục trong bệnh viện hoặc ở ngoài bệnh viện (bao gồm các vận động và các hoạt động thể chất khác) hoặc tập thể dục bằng các cách khác nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.
- Thay quần áo: là bệnh nhân mặc quần áo, dây đai, chân tay giả hoặc các phụ kiện khác nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.
- Chuyển chỗ: là vận chuyển bệnh nhân từ giường sang giường hoặc xe lăn và ngược lại nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.
- Di chuyển: là bệnh nhân di chuyển vị trí trong phòng hoặc từ phòng này sang phòng khác trên một phương tiện nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.
- Vệ sinh: là bệnh nhân sống trong phòng vệ sinh và kiểm soát chất lượng vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường sống nhưng không cần sự trợ giúp của người khác.

1.14. **“Bệnh viện”** là các khám bệnh, chữa bệnh thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam hoặc nước ngoài. Các khám bệnh, chữa bệnh ở phi quốc gia được phép nhận bệnh nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc nước ngoài.

Bệnh viện trong nhu cầu này không bao gồm những cơ sở y tế hoặc bệnh viện sau cho dù hoạt động có lợi hay trực tiếp thu chi về bệnh viện:

- Bệnh viện/viện dưỡng lão;
- Trung tâm y tế dự phòng;
- Nhà hộ sinh, trạm xá, nhà dưỡng lão, an dưỡng, các cơ sở chăm sóc người già, người khuyết tật, ma tuý, chất kích thích;
- Bệnh viện/trung tâm điều trị bệnh nhân nhiễm HIV (Nhiễm virus suy giảm miễn dịch cơ bản), AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch cơ bản);
- Các cơ sở lưu trú, nuôi dưỡng người tàn tật, không nhận người tàn tật, lang thang cơ nhỡ;
- Các cơ sở phẫu thuật chuyên ngành tính, các cơ sở phẫu thuật thẩm mỹ, làm đẹp;
- Các cơ sở chẩn đoán, bao gồm phòng chẩn đoán hình ảnh và phòng xét nghiệm;
- Các loại phòng khám bệnh, chữa bệnh bao gồm phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa, phòng khám bác sĩ gia đình, phòng khám chuyên trị y học cổ truyền, bệnh xá;
- Các viện nghiên cứu khoa học và y học.

Điều kiện tiên quyết ghi trong quy định lệ bỏ hi m theo Hợp đồng này là Bên vi n n i Ng i c b o hi m khám, ch a b nh ph i th a m n nh ngh a n u t i Kho n này.

B o Vi t Nhân th ch ch p thu n B nh vi n các qu c gia trong danh sách c công b và c p nh t trên Website c a B o Vi t Nhân th .

1.15. **“Bác s ”** là ng i có b ng c p chuyên môn y khoa c C quan có th m quy n t i Vi t Nam ho c n c ngoài c p ho c th a nh n, ã ng ký và c phép th c hành ngh y ho c ph u thu th p pháp, và ang công tác t i B nh vi n.

Bác s th ch i n ch n oán b nh không c ng th i là:

(i) Ng i c b o hi m ho c Bên mua b o hi m; ho c

(ii) Thành viên trong gia ình c a Ng i c b o hi m ho c c a Bên mua b o hi m (bao g m b , m , v , ch ng, con, anh, ch , em ru t).

Bác s trong nh ngh a này không bao g m Bác s ông y, y h c c truy n, v t lý tr li u, ch n oán hình nh, ch m c u, i u d ng.

1.16. **“B nh có s n”** là tình tr ng b nh t t ho c t n th ng c a Ng i c b o hi m ã c Bác s khám, ch n oán và/ho c i u tr tr c Ngày hi u l c H p ng. H s y t , t i n s b nh c l u g i t i B nh vi n, C s y t ho c các thông tin do Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) t kê khai c xem là b ng ch ng y và h p pháp v b nh có s n.

1.17. **“B nh b m sinh/D t t b m sinh”** (còn g i là D t t bào thai hay B t th ng b m sinh) là nh ng b t th ng c u tr úc ho c ch c n ng (bao g m c b t th ng chuy n hóa) x y ra t th i k bào thai và có th c phát hi n tr c, trong ho c sau khi sinh.

1.18. **“S n ph m b tr ”** là s n ph m b o hi m b sung kèm theo H p ng chính theo yêu c u c a Bên mua b o hi m, phù h p v i quy nh c a B o Vi t Nhân th trong t ng th i k . Quy n l i b o hi m, quy n và ngh a v liên quan c n u t i Quy t c, i u kho n b o hi m c a S n ph m b tr .

Đ i u 2. H p ng b o hi m

2.1. **“H p ng b o hi m” (“H p ng”)** là th a thu n b ng v n b ng i a Bên mua b o hi m và B o Vi t Nhân th , ghi nh n quy n và ngh a v c a các bên trong quá trình th c hi n H p ng.

H p ng bao g m các tài li u sau:

- H s yêu c u b o hi m;
- Gi y ch ng nh n b o hi m;
- Quy t c, i u kho n này;
- Các v n b n s a i, b sung khác (n u có) theo th a thu n b ng v n b ng i a Bên mua b o hi m và B o Vi t Nhân th .

2.2. “**H s yêu c ub o hi m**” bao g m Gi y yêu c ub o hi m theo m uc a B o Vi t Nhân th và t t c v nb n có liên quan n vi c yêu c ub o hi m, trong ó ghi các n i dung do Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) cung c p B o Vi t Nhân th s d ng làm c n c ánh giá r i ro, ch p nh nb o hi m ho ct ch i b o hi m.

H s yêu c ub o hi m do Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) hoàn t t y , chính xác và cung c p cho B o Vi t Nhân th .

2.3. “**Gi y ch ng nh nb o hi m**” là v nb n do B o Vi t Nhân th c p cho Bên mua b o hi m, trong ó th hi n các thông tin c b n c a H p ng và là m t ph n không tách r i c a H p ng.

i u 3. Th t c yêu c ub o hi m

3.1. Bên mua b o hi m hoàn t t H s yêu c ub o hi m và óng Phí b o hi m c tính c a H p ng.

3.2. Nu Ng i c b o hi m t vong tr c ngày B o Vi t Nhân th phát hành Gi y ch ng nh nb o hi m, ho c tr ng h p B o Vi t Nhân th không ch p nh nb o hi m, B o Vi t Nhân th s hoàn l i cho Bên mua b o hi m Phí b o hi m ã óng (không có lãi) và H p ng s không phát sinh hi u l c.

i u 4. Ch p nh nb o hi m có i u ki n

Trong tr ng h p ch p nh nb o hi m v i nh ng i u ki n và th a thu n c bi t phù h p v i quy nh pháp lu t, bao g m: ch p nh nb o hi m v i S t i nb o hi m/Quy n l i b o hi m i u ch nh, Phí b o hi m i u ch nh; và/ho c i u ch nh ph m vi lo i tr trách nhi m b o hi m; và/ho c i u ch nh các i u ki n b o hi m khác d a trên k t qu ánh giá, th m nh H s yêu c ub o hi m và/ho c theo yêu c uc a Bên mua b o hi m, B o Vi t Nhân th s g i thông báo b ng v nb n t i Bên mua b o hi m, trong ó ghi rõ nh ng n i dung này.

H p ng ch c phát hành khi Bên mua b o hi m ch p thu n nh ng i u ki n và th a thu n c bi t này ng th i B o Vi t Nhân th ã nh n Phí b o hi m b sung (n u có). Nh ng i u ki n và th a thu n c bi t nêu trên là m t ph n không tách r i c a H p ng.

N u có s khác bi t gi a i u ki n, th a thu n c bi t và Quy t c, i u kho n này thì i u ki n và th a thu n c bi t c u tiên áp d ng.

i u 5. Ngày hi u l c H p ng, th i h n H p ng và th i h n óng Phí b o hi m

5.1. Tr ng h p Ng i c b o hi m còn s ng t i ngày B o Vi t Nhân th phát hành Gi y ch ng nh nb o hi m, ngày hi u l c H p ng là ngày óng Phí b o hi m c tính v i i u ki n Bên mua b o hi m ã hoàn t t Gi y yêu c ub o hi m.

- 5.2. Tu theo l a ch n c a Bên mua b o hi m và phù h p v i quy nh c a B o Vi t Nhân th t i th i i m yêu c u b o hi m, th i h n H p ng (th i h n b o hi m) là 05 n m ho c 10 n m tính t Ngày hi u l c H p ng.
- 5.3. Bên mua b o hi m có th l a ch n th i h n óng phí b ng th i h n H p ng ho c óng phí m t l n, phù h p v i quy nh c a B o Vi t Nhân th t i th i i m yêu c u b o hi m.

ii u 6. Ngh a v kê khai, cung c p thông tin và b o m t thông tin

6.1. Ngh a v c a B o Vi t Nhân th

B o Vi t Nhân th có ngh a v gi i thích/cung c p thông tin cho Bên mua b o hi m v các i u ki n, i u kho n b o hi m, quy n, ngh a v c a Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m).

Tr ng h p B o Vi t Nhân th c ý cung c p thông tin sai s th t nh m giao k t H p ng thì Bên mua b o hi m có quy n nh ng ch m d t th chi n H p ng. B o Vi t Nhân th ph i b i th ng thi t h i phát sinh cho Bên mua b o hi m do vi c cung c p thông tin sai s th t.

6.2. Ngh a v c a Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m

- 6.2.1. Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) có ngh a v cung c p y và trung th c t t c nh ng thông tin có liên quan n Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m và H p ng b o hi m theo yêu c u c a B o Vi t Nhân th và nh ng thông tin c n thi t B o Vi t Nhân th ánh giá kh n ng ch p nh n b o hi m cho H p ng, ng th i hoàn toàn ch u trách nhi m v nh ng thông tin ã cung c p.

V i c B o Vi t Nhân th ti n hành ki m tra s c kho c a Ng i c b o hi m (n u có) không thay th cho ngh a v này.

- 6.2.2. Tr ng h p Bên mua b o hi m, Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) c ý vi ph m ngh a v cung c p thông tin quy nh t i i m 6.2.1, mà theo ó:

a) N u bi t tr c thông tin chính xác B o Vi t Nhân th ã không ch p nh n b o hi m, B o Vi t Nhân th có quy n nh ng ch m d t H p ng b o hi m. Khi ó, v i H p ng óng phí m t l n, B o Vi t Nhân th s hoàn l i cho Bên mua b o hi m t l % c a Phí b o hi m ã óng nêu t i i m 22.1.a i u 22 v i i u ki n B o Vi t Nhân th ch a chi tr b t k quy n l i b o hi m nào, tr i Chi phí giám nh xác minh (n u có). V i các tr ng h p khác, Bên mua b o hi m không c nh n l i b t c kho n ti n nào. B o Vi t Nhân th không ch u trách nhi m v nh ngr i r o ã phát sinh v i Ng i c b o hi m.

b) N u bi t tr c thông tin chính xác B o Vi t Nhân th v n ch p nh n b o hi m, ch p nh n thay i i u ki n H p ng nh ng có kèm theo các i u ki n b sung, B o Vi t Nhân th có quy n:

(i) thu thêm kho n Phí b o hi m b sung cho kho ng th i gian H p ng ã có hi u l c, ng th i i u ch nh t ng m c Phí b o hi m ph i óng trong t ng lai; và/ho c

(ii) i u ch nh gi m S ti n b o hi m. Quy n l i b o hi m và các i u ki n có liên quan s c i u ch nh t ng ng v i S ti n b o hi m m i. Ph n chên h l ch c a các

Quy định về bảo hiểm nhân thọ theo Luật Bảo hiểm và Luật Bảo hiểm nhân thọ (nếu có) sẽ có hiệu lực khi Bộ Việt Nhân thọ chi trả bảo hiểm quy định hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm, hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm bị hủy hoặc chấm dứt hiệu lực; và/hoặc

(iii) không chịu trách nhiệm bảo hiểm về những sự kiện bảo hiểm xảy ra liên quan đến các thông tin kê khai không chính xác, không trung thực hoặc bịa đặt.

c) Nếu thông tin chính xác không làm ảnh hưởng tới quy định chi trả bảo hiểm, quy định chi trả thay đổi liên quan đến Bộ Việt Nhân thọ, Bộ Việt Nhân thọ vẫn chi trả quy định bảo hiểm nếu có sự xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm theo Quy định, liên quan này.

Trong đó, các ý vi phạm nghiêm trọng cung cấp thông tin sai lệch là vi phạm Bên mua bảo hiểm, Người bảo hiểm (hoặc người di sản theo pháp luật của Người bảo hiểm) cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc bịa đặt thông tin quan trọng quy định tại mục 6.2.1.

6.3. Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của Bộ Việt Nhân thọ

Bộ Việt Nhân thọ không chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm, Người bảo hiểm (hoặc người di sản theo pháp luật của Người bảo hiểm) cung cấp tới Hợp đồng cho bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau:

a) Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán Phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng, thu Phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng ngừng hoạt động, giám định quy định bảo hiểm, nghiên cứu thị trường sản phẩm, nghiên cứu kinh nghiệm, kế toán, chăm sóc khách hàng, phòng chống rửa tiền bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ uy tín, yêu cầu v.v.

b) Các trường hợp khác của Bên mua bảo hiểm, Người bảo hiểm (hoặc người di sản theo pháp luật của Người bảo hiểm) đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:

- Bên mua bảo hiểm, Người bảo hiểm (hoặc người di sản theo pháp luật của Người bảo hiểm) phải thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và quy định trách nhiệm đồng ý hoặc không đồng ý về việc chuyển giao đó; và

- Việc Bên mua bảo hiểm, Người bảo hiểm (hoặc người di sản theo pháp luật của Người bảo hiểm) thực hiện cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài phạm vi Bảo Việt Nhân thọ sử dụng làm lý do thực hiện giao kết Hợp đồng.

Điều 7. Miện truy xét

Khi Người bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bịa đặt trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được miện truy xét sau 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Quy định này không áp dụng với trường hợp vi phạm nghiêm trọng cung cấp thông tin quy định tại Khoản 6.2 Điều 6.



Chương II

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 8. Quy định bồi thường

8.1. Quy định bồi thường giai đoạn

8.1.1. Bồi thường theo số tiền đã chi trả sau khi trị liệu (nếu có) của người bị bệnh về các khoản bồi thường giai đoạn khi Hợp đồng có hiệu lực:

Thời điểm người bị bệnh các khoản bồi thường giai đoạn	Số tiền chi trả (% Số tiền bồi thường)
Trước sinh nhật lần thứ 01	4%
Từ sinh nhật lần thứ 01 đến trước sinh nhật lần thứ 02	8%
Từ sinh nhật lần thứ 02 đến trước sinh nhật lần thứ 03	12%
Từ sinh nhật lần thứ 03 đến trước sinh nhật lần thứ 04	16%
Từ sinh nhật lần thứ 04 trở đi	20%

8.1.2. Quy định bồi thường giai đoạn được mở thi hành ngay sau khi xảy ra sự kiện làm phát sinh trách nhiệm của Bồi thường theo Điều 8.1.1.

8.2. Quy định bồi thường giai đoạn cuối

8.2.1. Bồi thường theo số tiền đã chi trả sau khi trị liệu (nếu có) của người bị bệnh về các khoản bồi thường giai đoạn cuối khi Hợp đồng có hiệu lực:

Thời điểm người bị bệnh các khoản bồi thường giai đoạn cuối	Số tiền chi trả (% Số tiền bồi thường)
Trước sinh nhật lần thứ 01	20%
Từ sinh nhật lần thứ 01 đến trước sinh nhật lần thứ 02	40%
Từ sinh nhật lần thứ 02 đến trước sinh nhật lần thứ 03	60%
Từ sinh nhật lần thứ 03 đến trước sinh nhật lần thứ 04	80%
Từ sinh nhật lần thứ 04 trở đi	100%

8.2.2. Hợp đồng được mở thi hành ngay sau khi xảy ra sự kiện làm phát sinh trách nhiệm của Bồi thường theo Điều 8.2.1.

8.3. Nguyên tắc Quy định bồi dưỡng nhưng th

- 8.3.1. B nhưng th giai o n u và b nhưng th giai o n cu i ph i c Bác s chuyên khoa phù h p c a B nh vi n ch n oán.
- 8.3.2. B nhưng th giai o n u và b nhưng th giai o n cu i ph i th a m ă n quy nh t i Ph l c 1 – “ nh ngh a B nhưng th c b o hi m ” c a Quy t c, i u kho n này.
- 8.3.3. N u có t hai b nhưng th giai o n u c ch n oán ng th i, B o Vi t Nhân th ch tr ch o m t b nhưng th giai o n u th a m ă n quy nh.
- N u có t hai b nhưng th giai o n cu i c ch n oán ng th i, B o Vi t Nhân th ch tr ch o m t b nhưng th giai o n cu i th a m ă n quy nh.
- 8.3.4. B o Vi t Nhân th s không chi tr Quy n l i b o hi m b nhưng th giai o n u / ung th giai o n cu i nê u t i i m 8.1.1 ho c i m 8.2.1 n u Ng i c b o hi m c ch n oán m c b nhưng th giai o n u / ung th giai o n cu i trong vòng 90 ngày k t ngày H p ng phát sinh hi u l c.

Đ i u 9. Quy n l i b o hi m b nh t qu

- 9.1. B o Vi t Nhân th tr 100% S t i n b o hi m sau khi tr i Kho n n (n u có) n u Ng i c b o hi m m c b nh t qu khi H p ng ang có hi u l c.
- 9.2. Tr ng h p B o Vi t Nhân th ch p thu n chi tr Quy n l i b o hi m b nh t qu , H p ng s ch m d thi u l c k t th i i m b nh t qu c xác nh n th a m ă n các i u ki n quy nh t i Ph l c 2.
- 9.3. Nguyên tắc Quy định bồi dưỡng nh t qu
- 9.3.1. B nh t qu ph i c Bác s chuyên khoa phù h p c a B nh vi n ch n oán.
- 9.3.2. B nh t qu ph i th a m ă n quy nh t i Ph l c 2 – “ nh ngh a B nh t qu (tai bi n m ch máu não) c b o hi m ” c a Quy t c, i u kho n này.
- 9.3.3. N u Ng i c b o hi m t vong do t qu trong th i gian ch xác nh n b nh t qu nê u t i Ph l c 2 thì s c coi là th a m ă n các i u ki n c a b nh t qu theo Quy t c, i u kho n này.
- 9.3.4. T i m i th i i m n u Ng i c b o hi m ng th i th a m ă n t hai quy n l i tr lên trong s các quy n l i: Quy n l i b o hi m b nh t qu quy nh t i i u này, Quy n l i b o hi m b nhưng th giai o n cu i quy nh t i Kho n 8.2 i u 8, Quy n l i tr c p t vong quy nh t i i u 10 thì B o Vi t Nhân th s ch chi tr theo m t quy n l i có s t i n chi tr cao nh t.
- 9.3.5. B o Vi t Nhân th s không chi tr Quy n l i b o hi m b nh t qu nê u t i Kho n 9.1 và i m 9.3.3 n u Ng i c b o hi m c ch n oán m c b nh t qu trong vòng 90 ngày k t ngày H p ng phát sinh hi u l c.

i u 10. Quy n l i tr c pt vong

- 10.1. B oVi t Nhân th tr Quy n l i tr c pt vong b ng 10% S ti n b o hi m sau khi tr i Kho n n (n u có) n u Ng i c b o hi m t vong khi H p ng ang có hi u l c.
- 10.2. H p ng ch m d thi u l c ngay sau khi Ng i c b o hi m t vong.

i u 11. Quy n l i H tr t m soát ung th ch o ng i thân

- 11.1. B oVi t Nhân th tr 2% S ti n b o hi m sau khi tr i Kho n n (n u có) h tr chi phí t m soát ung th ch o ng i thân n u Ng i c b o hi m c ch n oán m c m t ho c nhi u b nh ung th v i i u ki n (các) b nh ung th ó c B oVi t Nhân th ch p thu n chi tr theo quy nh t i Kho n 8.1 và/ho c Kho n 8.2 i u 8.
- 11.2. B oVi t Nhân th ch tr m t l n Quy n l i này trong toàn b th i h n H p ng b o hi m. Quy n l i này ch m d thi u l c ngay sau khi x y ra s ki n làm phát sinh trách nhi m c a B oVi t Nhân th theo Kho n 11.1.

i u 12. Quy n l i hoàn phí khi không có yêu c u gi i quy t quy n l i b o hi m

V i H p ng có th i h n b o hi m 10 n m và óng phí m t l n, n u Ng i c b o hi m còn s ng n ngày k t thúc th i h n H p ng, B oVi t Nhân th tr 20% phí b o hi m m t l n ã óng (không có lãi) sau khi tr i Kho n n (n u có) n u trong th i h n H p ng không có b t k yêu c u gi i quy t quy n l i b o hi m nào c B oVi t Nhân th ch p thu n chi tr .

i u 13. Th t và nguyên t ctr quy n l i b o hi m

- 13.1. Quy n l i b o hi m quy nh t i i u 8, i u 9, i u 10, i u 11, i u 12 ctr theo th t ưu tiên sau:
- Ng i c b o hi m;
 - Ng i th h ng n u H p ng có ch nh Ng i th h ng và Ng i c b o hi m ã t vong;
 - Ng i th a k h p pháp c a Ng i c b o hi m n u (i) H p ng không ch nh Ng i th h ng và Ng i c b o hi m ã t vong; ho c (ii) c Ng i th h ng và Ng i c b o hi m u ã t vong.
- 13.2. Trong tr ng h p Bên mua b o hi m ng th i là Ng i c b o hi m t vong; ho c Bên mua b o hi m và Ng i c b o hi m ng th i t vong; ho c Ng i c b o hi m t vong khi không có Bên mua b o hi m m i, thì các kho n ti n quy nh tr cho Bên mua b o hi m s ctr theo th t ưu tiên nêu t i Kho n 13.1.

- 13.3. Tìm i thi i m, B oVi t Nhân th ch ch p nh n b ohi m theo m t H p ng B ohi m b nh ung th và t qu ch om i Ng i c b ohi m. N ut i b tk th i i m nào Ng i c b ohi m có t hai H p ng B ohi m b nh ung th và t qu tr lên ang còn hi ul c t i B oVi t Nhân th thì B oVi t Nhân th ch công nh n và ch p nh n b ohi m ch om t H p ng phát sinh hi ul c utiên trong s nh ng H p ng ó. B oVi t Nhân th s hoàn l i cho Bên mua b ohi m phí b ohi m ã óng (không có lãi) cho nh ng H p ng không c b ohi m.

i u 14. Lo i tr trách nhi m b ohi m

14.1. Lo i tr áp d ng v i b nh Ung th , b nh t qu và T vong:

B oVi t Nhân th không tr quy n l i b ohi m quy nh t i i u 8, i u 9, i u 10, i u 11 n u Ng i c b ohi m m c b nh ung th , b nh t qu , t vong do b tk nguyên nhân nào d i ây:

- 14.1.1. Ng i c b ohi m tham gia: các ho t ng hàng không (tr khi v i t cách là hành khách); các ho t ng th thao/gi i trí nguy hi m: nh y dù, nhào l n trên không, leo núi, ua xe ô tô/mô tô/xep, ua ng a, s n b n, m b c, l n và các ho t ng th thao/gi i trí nguy hi m t ng t khác;
- 14.1.2. Ng i c b ohi m s d ngr u, bia, ma tuý, thu c gây nghi n ho c các ch t kích thích khác trái v i quy nh c a pháp lu t;
- 14.1.3. ng t, sóng th n, ph n ng h t nhân, nhi m phóng x , v khí hoá h c, v khí sinh h c;
- 14.1.4. Các b nh có s n, khuy t t t, d t t, b nh b m sinh;
- 14.1.5. Các tr ng h p lo i tr trong nh ngh a b nh Ung th t i Ph l c 1 và b nh t qu t i Ph l c 2.

14.2. Lo i tr áp d ng b sung v i tr ng h p t vong

B oVi t Nhân th không tr quy n l i b ohi m quy nh t i i u 10 n u Ng i c b ohi m t vong do b tk nguyên nhân nào d i ây:

- 14.2.1. Ng i c b ohi m t t trong vòng 24 tháng k t ngày H p ng phát sinh hi ul c;
- 14.2.2. Ng i c b ohi m b c quan Nhà n c có th m quy n k t lu n th c hi n ho c tham gia th c hi n các hành vi ph m t i ho c các hành vi vi ph m pháp lu t khác, tr các hành vi vi ph m pháp lu t do vô ý;
- 14.2.3. Chi n tranh (cho dù tuyên b hay không tuyên b), n i chi n, kh ng b , b o ng, n ilo n và các s ki n mang tính ch t chi n tranh khác;
- 14.2.4. Nhi m HIV, b AIDS, hay b các b nh có liên quan tr c ti p hay gián ti p n HIV, AIDS tr tr ng h p Ng i c b ohi m là công an nhân dân, quân i nhân dân, l c l ng ch c n ng có th m quy n, i ng ch m sóc y t nhi m HIV, b AIDS do tai n n khi ang làm nhi m v ;
- 14.3. H p ng ch m d thi ul c ngay sau khi Ng i c b ohi m t vong thu c m t trong các tr ng h p nêu t i Kho n 14.1 ho c Kho n 14.2 và B oVi t Nhân th s hoàn l i cho Bên mua b ohi m Phí b ohi m ã óng (không có lãi) tr i các quy n l i b ohi m ã tr (n u có).



Chương III PHÍ BẢO HIỂM

Điều 15. Quy định chung về đóng Phí bảo hiểm

- 15.1. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn đóng Phí bảo hiểm miễn hoặc đóng phí bảo hiểm nhk theo một trong các nhk mà B oVi t Nhân th cung c p t i th i i m yêu c u b o hi m/th i i m yêu c u thay i nhk óng phí.
- 15.2. Trong th i h n óng Phí b o hi m, Bên mua b o hi m có th yêu c u thay i nhk óng Phí b o hi m b ng cách g i v n b n yêu c u cho B o Vi t Nhân th ch m nh t 15 ngày tr c ngày nh n óng phí t i p theo. nhk óng Phí b o hi m s c thay i sau khi B o Vi t Nhân th ch p thu n.
- 15.3. B o Vi t Nhân th có th thay i m c phí b o hi m c a H p ng này sau khi c B Tài chính ch p thu n. B o Vi t Nhân th s thông báo cho Bên mua b o hi m b ng v n b n 03 tháng tr c ngày áp d ng m c phí b o hi m m i. N u Bên mua b o hi m không ng ý v i m c phí b o hi m m i thì H p ngs ch m d thi u l c k t ngày k t thúc k phí ã óng.

Điều 16. Thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm nhk

- 16.1. Tr ng h p Phí b o hi m nhk không c óng úng th i h n th a thu n, Bên mua b o hi m c gia h n thêm 60 ngày k t ngày nh n óng phí hoàn t t v i c óng phí.

Trong th i gian gia h n óng phí, H p ng v n duy trì hi u l c và B o Vi t Nhân th không tính lãi i v i kho n phí ch a óng.
- 16.2. N u Bên mua b o hi m không óng Phí b o hi m sau khi k t thúc th i gian gia h n óng phí, H p ngs t ng ch m d thi u l c k t ngày nh n óng phí c a k phí n u tiên và B o Vi t Nhân th s không hoàn l i b t c kho n t i n nào.



Chương IV

THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

Điều 17. Thay đổi nội dung, thông tin cá nhân, nghĩa vụ và các thay đổi khác

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo cho Bên Vết Nhân thọ bằng văn bản và cung cấp giấy tờ chứng minh cần thiết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi nội dung, thông tin cá nhân, nghĩa vụ của Người承保.

Nếu Người承保 hoặc người phụ trách Vết Nhân thọ trong thời gian 03 tháng liên tiếp trên, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Bên Vết Nhân thọ từ thời hạn 30 ngày trước ngày Người承保 xuất phát.

Việc thay đổi nghĩa vụ và nội dung, Bên Vết Nhân thọ có quy định như sau:

- (i) Thời điểm của việc thay đổi nội dung không được vượt quá:
- (ii) Chi phí của việc thay đổi nội dung. Ví dụ: chi phí gia tăng, Bên Vết Nhân thọ sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm một phần của Phí bảo hiểm đã đóng theo Điều 22.1.a Điều 22 về việc thay đổi nội dung của Vết Nhân thọ chi trả theo quy định của Bên mua bảo hiểm nào. Về các trường hợp khác, Bên mua bảo hiểm không được khiếu nại.

Điều 18. Chuyển đổi, thay đổi Nghĩa vụ và chi phí

- 18.1. Khi yêu cầu của Bên mua bảo hiểm hoặc khi Hợp đồng còn hiệu lực, việc thay đổi nội dung của Hợp đồng (hoặc người đại diện theo pháp luật của Người承保), Bên mua bảo hiểm có quyền chuyển đổi Nghĩa vụ và chi phí, thay đổi Nghĩa vụ và chi phí, hoặc chuyển đổi Bên mua bảo hiểm chi trả cho Nghĩa vụ và chi phí.
- 18.2. Việc chuyển đổi, thay đổi, hoặc chuyển đổi trên phải được ghi nhận bằng văn bản và có hiệu lực sau khi được Bên Vết Nhân thọ xác nhận bằng văn bản. Bên Vết Nhân thọ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến việc chuyển đổi, thay đổi, hoặc chuyển đổi này.

Điều 19. Thay đổi Bên mua bảo hiểm

19.1. Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm

Việc thay đổi của Người承保 và khi Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng Hợp đồng cho cá nhân hoặc tổ chức khác (gọi là Bên mua bảo hiểm chuyển nhượng). Bên mua bảo hiểm chuyển nhượng phải đáp ứng yêu cầu quy định của Bên mua bảo hiểm.

hi m v i Ng i c b o hi m và áp ng các quy nh c a pháp lu t liên quan t i th i i m chuy n nh ng.

Vì c chuy n nh ng H p ng ch có hi u l c khi Bên mua b o hi m thông báo b ng v n b n cho B o Vi t Nhân th và c B o Vi t Nhân th ch p thu n b ng v n b n v vì c chuy n nh ng ó.

Sau khi c B o Vi t Nhân th ch p thu n, Bên c chuy n nh ng tr thành Bên mua b o hi m m i và k th a toàn b quy n, ngh a v c a Bên mua b o hi m theo H p ng. Ng i c b o hi m c a H p ng không thay i.

B o Vi t Nhân th không ch u trách nhi m v tính h p pháp c a vi c chuy n nh ng H p ng.

19.2. Tr ng h p Bên mua b o hi m là cá nhân (không ng th i là Ng i c b o hi m) t vong ho c Bên mua b o hi m là t ch c ch m d t ho t ng trong th i gian H p ng còn hi u l c

19.2.1. Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) s tr thành Bên mua b o hi m m i và k th a toàn b quy n, ngh a v c a Bên mua b o hi m theo H p ng v i i u ki n Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) áp ng c các yêu c u v n ng l c hành vi dân s và các quy nh pháp lu t có liên quan.

Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) ph i hoàn t t h s tr thành Bên mua b o hi m m i và g i n B o Vi t Nhân th trong vòng 60 ngày (ho c kho ng th i gian h p lý khác do các bên th a thu n khi có lý do chính áng) k t ngày B o Vi t Nhân th nh n c thông báo b ng v n b n v vì c Bên mua b o hi m t vong/Bên mua b o hi m là t ch c ch m d t ho t ng.

19.2.2. Tr ng h p Ng i c b o hi m (ho c ng i i di n theo pháp lu t c a Ng i c b o hi m) (i) không ng ý ho c không i u ki n tr thành Bên mua b o hi m m i theo quy nh t i i m 19.2.1; ho c (ii) quá th i h n hoàn t t h s theo quy nh t i i m 19.2.1, H p ngs ch m d thi u l c sau khi k t thúc 60 ngày (ho c kho ng th i gian h p lý khác do các bên th a thu n khi có lý do chính áng) k t ngày B o Vi t Nhân th nh n c thông báo b ng v n b n v vì c Bên mua b o hi m t vong/Bên mua b o hi m là t ch c ch m d t ho t ng. Khi ó:

a) V i H p ng óng phí m t l n, B o Vi t Nhân th s hoàn l i cho Ng i c b o hi m t l % c a Phí b o hi m ã óng nê u t i i m 22.1.a i u 22 v i i u ki n B o Vi t Nhân th ch a chi tr b tk quy n l i b o hi m nào;

b) V i các tr ng h p khác ngoài tr ng h p t i i m a nêu trên, Ng i c b o hi m không c nh n l i b t c kho n t i n nào.

19.2.3. Quy nh t i i m 19.2.2 không áp d ng v i các tr ng h p sau:

- H p ng c m i n óng phí b o hi m theo quy nh t i Quy t c, i u kho n c a S n ph m b tr mua kèm (n u có); ho c

- H p ng ã óng phí b o hi m cho toàn b th i h n H p ng. Trong các tr ng h p này, H p ng ti p t c duy trì hi u l c và các kho n t i n c quy nh tr cho Bên

mua bảo hiểm sức khỏe cho Người có bảo hiểm nhân thọ Người có bảo hiểm còn sống. Trường hợp Người có bảo hiểm mất vòng đời theo thuật ngữ nêu tại Khoản 13.1 của Điều 13.

19.3. Vì cấu trúc thành Bên mua bảo hiểm mới theo Khoản 19.2 chỉ có hiệu lực khi có Bộ Vĩ t Nhân thọ chấp thuận bằng văn bản.

Điều 20. Phạm vi khi kê khai thuế, giá trị tính của Người có bảo hiểm

20.1. Trường hợp theo thuế, giá trị tính ứng Người có bảo hiểm văn bản chấp thuận bảo hiểm:

20.1.1. Nếu Phí bảo hiểm đã đóng cao hơn số Phí bảo hiểm tính theo thuế, giá trị tính ứng, Bộ Vĩ t Nhân thọ sẽ nguyên Số tiền bảo hiểm nguyên thì hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần Phí bảo hiểm đóng thừa (không có lãi) trừ đi Khoản n (nếu có).

Phí bảo hiểm theo thuế, giá trị tính ứng sẽ áp dụng kể từ ngày nhận đóng phí ngay sau ngày phát hành số mệnh đơn.

20.1.2. Nếu Phí bảo hiểm đã đóng thấp hơn số Phí bảo hiểm tính theo thuế, giá trị tính ứng, Bên mua bảo hiểm cần đóng bổ sung số Phí bảo hiểm còn thiếu (không tính lãi) cho thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực. Số tiền bảo hiểm không thay đổi.

20.2. Nếu theo thuế, giá trị tính ứng, Người có bảo hiểm không chấp thuận bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ hủy và Bộ Vĩ t Nhân thọ trả cho Bên mua bảo hiểm Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) trừ đi các quy định bảo hiểm đã trả (nếu có).

20.3. Nếu khi ghi quy tắc quy định bảo hiểm, Bộ Vĩ t Nhân thọ phát hành văn thông báo sai thuế, giá trị tính của Người có bảo hiểm và theo thuế, giá trị tính ứng Người có bảo hiểm văn bản bảo hiểm, Bộ Vĩ t Nhân thọ sẽ:

a) Hoàn trả khoản Phí bảo hiểm thừa (không có lãi) nếu Phí bảo hiểm đã đóng cao hơn số Phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm phải đóng theo thuế, giá trị tính ứng của Người có bảo hiểm trừ đi Khoản n (nếu có); hoặc

b) Nếu chủ hợp đồng Số tiền bảo hiểm tăng lên vì số Phí bảo hiểm đã đóng nếu Phí bảo hiểm đã đóng thấp hơn số Phí bảo hiểm phải đóng theo thuế, giá trị tính ứng của Người có bảo hiểm.

Phân chênh lệch (nếu có) của các Quy định bảo hiểm đã trả theo Số tiền bảo hiểm ban đầu và Số tiền bảo hiểm nếu chủ hợp đồng khi Bộ Vĩ t Nhân thọ chi trả các quy định hoặc khoản tiền nào khác của Hợp đồng, hoặc khi Hợp đồng hủy hoặc chấm dứt hiệu lực.

20.4. Khi ghi quy tắc mệnh đơn thuế, giá trị tính theo quy định tại Điều này, Quy định bảo hiểm và các điều kiện khác có liên quan sẽ chủ hợp đồng tăng lên theo thuế, giá trị tính ứng của Người có bảo hiểm và Số tiền bảo hiểm nếu chủ hợp đồng (nếu có).



Chương V

CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Điều 21. Thời gian cân nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng, người mua bảo hiểm có thể yêu cầu hủy hợp đồng và nhận lại tiền phí (không có lãi) trừ chi phí xử lý (nếu có). Bên mua bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường vì các chi phí phát sinh vì việc hủy hợp đồng trong thời gian trên.

Điều 22. Chế độ thanh toán

22.1. Chế độ thanh toán theo yêu cầu

Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chế độ thanh toán bằng các cách thông báo bằng văn bản cho Bên Mua bảo hiểm Nhân thọ.

a) Việc Hợp đồng ngừng phí miễn tức, Bên Mua bảo hiểm sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm một phần của Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) như sau, với điều kiện Bên Mua bảo hiểm chấp thuận các quy định bồi hiểm nào:

Loại Hợp đồng	Tỷ lệ hoàn phí (% tổng Phí bảo hiểm miễn tức đã đóng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Hợp đồng có thời hạn bồi hiểm 05 năm	40%	30%	20%	10%	0%	-	-	-	-	-
Hợp đồng có thời hạn bồi hiểm 10 năm	55%	50%	45%	40%	35%	30%	25%	20%	15%	10%

b) Với các trường hợp khác ngoài trường hợp nêu trên, Bên mua bảo hiểm không nhận lại tiền bồi hiểm.

22.2. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng khác

Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào xảy ra thì:

- a) Người bồi hiểm từ vong;
- b) Thời hạn Hợp đồng kết thúc;
- c) Do vi phạm nghĩa vụ kê khai, cung cấp thông tin và bổ sung thông tin theo Khoản 6.1 hoặc Khoản 6.2 Điều 6;
- d) Quy định bồi hiểm của công ty chỉ theo Điều 8.2.2 Điều 8 hoặc Khoản 9.2 Điều 9;
- e) Kết thúc thời gian gia hạn đóng phí theo Khoản 16.2 Điều 16.
- f) Theo Điều 17;
- g) Theo Điều 19.2.2 Điều 19;
- h) Nhậm lời từ chối tính theo Khoản 20.2 Điều 20;
- i) Hợp đồng trong thời gian cân nhắc theo Điều 21;
- k) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản này và/hoặc quy định pháp luật.



Chương VI

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 23. Thủ tục yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

23.1. Thông báo r i ro

Ng i nh n quy n l i b o hi m có ngh a v thông báo b ng v n b n cho B o Vi t Nhân th v s ki n b o hi m (b nh ung th , b nh t qu , t vong) trong th i gian s m nh t k t khi Ng i nh n quy n l i b o hi m bi t c s ki n b o hi m và cung c p các gi y t theo quy nh t i i u 24 gi i quy t quy n l i b o hi m.

23.2. Thủ tục nh p s yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Ng i nh n quy n l i b o hi m ph i l ph s yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và g i t i B o Vi t Nhân th trong th i h n t i a là 01 n m k t ngày x y ra s ki n b o hi m (b nh ung th , b nh t qu , t vong).

23.3. Th i gian x y ra s ki n b t kh kháng ho c tr ng i khách quan không tính vào th i h n yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

23.4. Quá th i h n nêu t i Kho n 23.2, m i yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm u không có giá tr .

Điều 24. H s yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

24.1. Ng i nh n quy n l i b o hi m c n cung c p cho B o Vi t Nhân th các gi y t sau làm th t c gi i quy t quy n l i b o hi m:

24.1.1. Tr ngh p Ng i c b o hi m b b nh ung th , b nh t qu :

- Gi y yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
- B H p ng b o hi m g c (n u có);
- B ng ch ng h p pháp v s ki n b o hi m: H s y t bao g m b ng c gi y ra vi n, b nh án và các ch ng t y t liên quan n ch n oán và i utr c c p b i B nh vi n;
- Gi y t tùy thân h p pháp c a Ng i nh n quy n l i b o hi m (Ch ng minh nhân dân/ Th C n c c công dân/H chi u...);
- Gi y t h p pháp ch ng minh quy n c nh n quy n l i b o hi m.

24.1.2. Tr ngh p Ng i c b o hi m t vong:

- Gi y yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;

- B H p ng b o hi mg c (n u có);
- B ng ch ng h p pháp v s ki nt vong (Trích l c khai t);
- H s tain n doc quan có th m quy n c p trong tr ng h p t vong do tai n n;
- H s yt (n u có i utr) bao g m b ng c gi y ra vi n, b nh án và các ch ng t yt liên quan n ch n oán và i utr c c p b i B nh vi n;
- Gi yt tùy thân h p pháp c a Ng ình n quy n l i b o hi m (Ch ng minh nhân dân/ Th C n c công dân/H chi u...);
- Gi yt h p pháp ch ng minh quy n c nh n quy n l i b o hi m.

24.2. Các gi yt nêu t i Kho n 24.1 là b ng c ho c b n sao c ch ng th c b i c quan có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t tr m ts tr ng h p c b i t khác c B o Vi t Nhân th ch p thu n.

Tr ng h p Ng ì c b o hi m i utr/ t vong t i B nh vi n n c ngoài, h s yt cùng các tài li u có liên quan ph i c c p b i B nh vi n ó, c h p pháp hóa lãnh s và d ch công ch ng ra ti ng Vi t.

24.3. Chi phí thu th p và cung c p các gi yt nêu t i Kho n 24.1 và Kho n 24.2 do Ng ình n quy n l i b o hi m ch u.

24.4. B o Vi t Nhân th có quy n ki m tra, xác minh v r i ro, h u qu c a r i ro và tr ng c u giám nh i v i Ng ì c b o hi m ph cv cho vi c ch i tr quy n l i b o hi m. Các chi phí ki m tra, xác minh, tr ng c u giám nh theo yêu c u c a B o Vi t Nhân th do B o Vi t Nhân th ch u, tr tr ng h p quy nht i i m 6.2.2 i u 6.

24.5. Ng ình n quy n l i b o hi m có ngh a v thu th p và cung c p y , trung th c các gi yt c n thi t và các thông tin có liên quan theo yêu c u c a B o Vi t Nhân th , ng th i t o i u ki n thu n l i cho B o Vi t Nhân th ki m tra, xác minh, tr ng c u giám nh.

i u 25. Gi i quy t quy n l i b o hi m

25.1. **Th i h ng i quy t quy n l i b o hi m**

B o Vi t Nhân th có trách nhi m gi i quy t quy n l i b o hi m trong th i h n 30 ngày k t ngày nh n ch s yêu c u gi i quy t quy n l i b o hi m y và h pl theo quy nht i i u 24.

25.2. Tr ng h p có m tv án c kh it liên quan n r i ro c a Ng ì c b o hi m, B o Vi t Nhân th có trách nhi m xem xét gi i quy t quy n l i b o hi m trong th i h n 30 ngày k t ngày có b n án, quy t nh có hi u l c pháp lu t c a tòa án ho c quy t nh c ac quan có th m quy n k t lu n v v án ó.

25.3. Quá th i h n nêu t i Kho n 25.1 và Kho n 25.2, n uch a gi i quy t quy n l i b o hi m (tr tr ng h p B o Vi t Nhân th không có l i), B o Vi t Nhân th ph i tr thêm lãi trên s ti n ph i tr cho s ngày quá h n thanh toán theo lãi su t ang áp d ng v i kho nt m ng t Giá tr hoàn l i c a cách p ng b o hi m c công b trên website c a B o Vi t Nhân th .

25.4. Khi ghi i quy t quy n l i b o hi m, ch m d t H p ng, h y H p ng ho c khi chi tr b t c kho n ti n nào khác c a H p ng, B o Vi t Nhân th có quy n kh u tr các Kho n n và các kho n ti n c n thu h i khác (n u có) theo quy nh t ng ng t i Quy t c, i u kho n này.

i u 26. Gi i quy t tranh ch p

M i tranh ch p phát sinh t ho c liên quan n H p ng này tr ch ts c gi i quy t thông qua th ng l ng gi a các bên. N u không gi i quy t c b ng th ng l ng, m t trong các bên có quy n kh i ki n t i Tòa án có th m quy n gi i quy t Vi t Nam theo quy nh c a pháp lu t. Lu t áp d ng cho vi c gi i quy t các tranh ch p này và lu t i u ch nh quan h H p ng gi a các bên là pháp lu t Vi t Nam. Th i hi u kh i ki n là 03 n m k t th i i m phát sinh tranh ch p và t ng thay i theo quy nh c a pháp lu t./.

PH L C 1

NH NGH A B NH UNG TH CB OHI M

Ung th là tình tr ng b nh lý ác tính có ch n oán d a trên k t qu gi i ph ub nh lý, xét nghi mt bào h c, ch n oán mô b nh h c.

1. Ung th giai o n u

Ung th giai o n u là ung th t T1N0M0 tr lên theo phân lo i TNM ho c phân lo i qu ct t ng ng.

Tr ng h p không có k t qu ch n oán theo TNM ho c phân lo i qu ct t ng ng thì ung th giai o n u c xác nh là giai o n 1 (I) ho c giai o n 2 (II) theo ch n oán c a Bác s chuyên khoa Ung B u.

Tr ng h p có k t qu ch n oán theo TNM/phân lo i qu ct t ng ng và theo giai o n, ch n oán theo TNM/phân lo i qu ct t ng ngs cấp đ ng.

Nh ng tr ng h p sau không c b o hi m theo Quy n l i b o hi m ung th giai o n u:

- Không có k t qu t bào ác tính;
- Giai o n ti n ung th , ung th t i ch , ung th giai o n 0 (TisN0M0),
- Giai o n T1N0M0 và th p h n c a các lo i sau: ung th da, ung th tuy n ti n li t, ung th tinh hoàn, ung th tuy n giáp;
- Ung th th a mãn quy nh t i M c 2 – “Ung th giai o n cu i” đ i ây;
- T t c các lo i ung th trên ng i nhi m HIV/AIDS.

2. Ung th giai o n cu i

Ung th giai o n cu i là ung th t T3N1M0 tr lên theo phân lo i TNM ho c phân lo i qu ct t ng ng.

Tr ng h p không có k t qu ch n oán theo TNM ho c phân lo i qu ct t ng ng thì ung th giai o n cu i c xác nh là giai o n 3 (III) ho c giai o n 4 (IV) theo ch n oán c a Bác s chuyên khoa Ung B u.

Tr ng h p có k t qu ch n oán theo TNM/phân lo i qu ct t ng ng và theo giai o n, ch n oán theo TNM/phân lo i qu ct t ng ngs cấp đ ng.

Nh ng tr ng h p sau không c b o hi m theo Quy n l i b o hi m ung th giai o n cu i:

- Giai o n T3N1M0 và th p h n c a các lo i sau: ung th da, ung th tuy n ti n li t, ung th tinh hoàn, ung th tuy n giáp;
- Ung th th a mãn quy nh t i M c 1 – “Ung th giai o n u” nêu trên;
- T t c các lo i ung th trên ng i nhi m HIV/AIDS.

PH L C 2
NH NGH A B NH T QU (TAI BI N M CH MÁU NÃO)
CB OHI M

- **t qu** là tình tr ng tai bi n m ch máu não bao g m nh i máu não hay xu t huy t não (do m ch máu não b t c ngh n ho c b v) và th a m n g th i hai i u ki n sau:

(1) Hình nh t n th ng c xác nh trên k t qu ch p c ngh ng t (MRI), ch p c t l p i n toán (CT scanner) hay các k thu t t ng ng.

(2) T n th ng não l i t i thi u m t trong ba nhóm di ch ng th n kinh nghiêm tr ng sau ây và kéo dài ít nh t 90 ngày liên t c k t ngày c ch n oán:

(i) Tình tr ng s ng th c v t;

(ii) Không t th c hi n c ba (03) trong sáu (06) ho t ng Sinh ho t hàng ngày;

(iii) Li t n a ng i ng th i m t kh n ng di chuy n và ti u ti n, i ti n không t ch (m t ch c n ng c tròn/c vòng bàng quang và h u môn).

- **Nh ng tr ng h p sau không c b o hi m theo Quy n l i b o hi m t qu :**

+ Không có hình nh t n th ng trên các k thu t ch n oán hình nh;

+ Các t n th ng do c n thi u m não thoáng qua (TIA), ch n th ng hay v t th ng s não, hay do các b nh nhi m trùng nh viêm m ch máu não;

+ Các b nh lý khác nh : ch ng au n a u, r i lo n th n kinh th giác, r i lo n v n m ch, r i lo n ti n ình, thi u oxy máu, thi u n ng tu n hoàn não, d d ng m ch não;

+ t qu trên ng i nhi m HIV/AIDS.

QUYT C, I U KHO N LIFE CARE - B OHI M B NH UNG TH VÀ T QU
(c B Tài chính phê chu n theo Công v n s 11525/BTC-QLBH ngày 21 tháng 9 n m 2020)

T NG CÔNG TY B O VI T NHÂN TH

Tr s chính: T ng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, ng Ph m Hùng, Ou n Nam T Liêm, Hà N i
T ng ài: 1900 558899 nhánh s 4 | Fax: (04) 35770958
Email: baovietthanho@baoviet.com.vn | Website: www.baovietthanho.com.vn

